

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2023/HS-PT**

Ngày: 21/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Lê Đức N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 132/2022/HS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Đức N; Sinh ngày 27/9/1999 tại Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT: Khu phố 2, phường 1, thị xã T, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn T và bà Hồ Thị Lệ H (*đều còn sống*), Chưa có vợ, con. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2020 Lê Đức N và chị Phan Thị Diệu H1 có thuê chung một căn nhà tại K80 đường T, thành phố Đà Nẵng và có sử dụng chung ổ khóa cổng nên mỗi người có chìa khóa riêng. Khoảng tháng 01/2021, chị H1 thuê nhà trọ khác tại K40/H7/12 Th, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, vẫn dùng ổ khóa này để khóa cửa phòng trọ.

Khoảng 14h00 ngày 12/7/2022, Nghĩa biết tin chị H1 đang đi công tác, không có ở phòng trọ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị H1. Nghĩa sử dụng chìa khóa có sẵn từ trước mở cửa phòng trọ trộm cắp, gồm: 01(một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu trắng, nhãn hiệu PNJ kèm theo 01(một) mặt dây chuyền; 01(một) lắc tay bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu PNJ; 01(một) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu PNJ. N đem về cất giấu ở phòng trọ tại K122/18 Th1, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 13/7/2022, chị H1 đi công tác về phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an phường T, quận C thành phố Đà Nẵng. Cơ quan Công an đã thu giữ số tài sản trên tại nơi ở của N, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

* Vật chứng thu giữ của Lê Đức N gồm: 01(một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu trắng; 01(một) mặt dây chuyền bằng kim loại, màu trắng, trên có đính 19 hạt chất màu trắng; 01(một) lắc đeo tay bằng kim loại, màu trắng (gồm các móc xích nối lại với nhau) trên có đính 32 hạt hạt chất màu trắng; 01 (một) chiếc khuyên đeo tai bằng kim loại, màu trắng, trên có đính 09 hạt chất màu trắng; 01(một) chìa khóa bằng kim loại dài khoảng 6cm; 01(một) mũ bảo hiểm màu cam; 01(một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh trắng; 01(một) quần tây dài màu xám; 01(một) túi xách màu đen.

- Của Phan Thị Diệu H1: 01(một) đĩa CD bên trong có chứa dữ liệu điện tử là 01(một) đoạn video clip được thu giữ từ camera giám sát đặt trước phòng trọ của chị H1 ghi nhận sự việc trộm cắp.

- Của Lê Thị Thảo S: 01(một) ổ khóa bằng kim loại, hiệu OKEY.

Theo Kết luận giám định số 1106 ngày 17/8/2022 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng kết luận:

- 01(một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu trắng hàm lượng vàng 75%
- 01(một) mặt dây chuyền bằng kim loại, màu trắng, trên có đính 19 hạt chất màu trắng hàm lượng vàng 41,6%.
- 01(một) lắc đeo tay bằng kim loại, màu trắng (gồm các móc xích nối lại với nhau) trên có đính 32 hạt hạt chất màu trắng hàm lượng vàng 41,6%.
- 01 (một) chiếc khuyên đeo tai bằng kim loại, màu trắng, trên có đính 09 hạt chất màu trắng hàm lượng vàng 41,6%.

Theo Kết luận định giá tài sản số 108/KL-HĐĐG ngày 29/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kết luận: Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị H1 nêu trên là: **18.902.400 đồng** (*Mười tám triệu, chín trăm không hai ngàn, bốn trăm đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2022/HS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức N 09 (*Chín*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/12/2022 bị cáo Lê Đức N có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Đức N giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương để có điều chăm sóc cha, mẹ bị bệnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, nên đảm bảo, hợp lệ theo thủ tục kháng cáo.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo N thừa nhận có hành vi lén lút đột nhập vào phòng ở trọ của chị H1 tại K40/H7/12 Th, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng trộm cắp tài sản là nữ trang bằng vàng gồm dây chuyền, lắc đeo tay, khuyên tai với tổng trị giá theo định giá tài sản là **18.902.400 đồng** (*Mười tám triệu, chín trăm không hai ngàn, bốn trăm đồng*). Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2022/HS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Lê Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 09 (*chín*) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đức N thừa nhận hành vi lén lút đột nhập vào phòng ở trọ của chị Phan Thị Diệu H1 tại K40/H7/12 Th, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (khi chị đi vắng không có ở phòng trọ) trộm cắp gồm: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại, màu trắng, nhãn hiệu PNJ kèm theo 01 (một) mặt dây chuyền; 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu PNJ; 01 (một) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu trắng, nhãn hiệu PNJ, sau đó N đem về cất giấu ở phòng trọ. Tổng các tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị H1 là: 18.902.400đ (Mười tám triệu, chín trăm không hai ngàn, bốn trăm đồng)

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2022/HS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 09 (Chín) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là nghiêm khắc, hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, do đó bị cáo xin HĐXX xem xét lại mức hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, nên việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo ra trước pháp luật để xử lý là cần thiết. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là phù hợp. Song việc bắt bị cáo cách ly ra ngoài xã hội để cải tạo, giáo dục hẳn là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có công việc và nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa cấp phúc thẩm bị cáo bổ sung tình tiết cha, mẹ bị bệnh đang điều trị thường xuyên trong bệnh viện, bị cáo là người lao động chính đang trực tiếp chăm sóc cha, mẹ bị ốm đau, đây là tình tiết mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đánh giá khi quyết định hình phạt. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, có thân tốt, có công việc làm ổn định, có hoàn cảnh

gia đình hoàn cảnh khó khăn cha, mẹ ốm đau thường xuyên chữa bệnh, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng chế định án treo, cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đảm bảo tác dụng giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là cũng phù hợp, nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Lê Đức N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1.1 Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đức N, sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS.

1.2.Căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đức N: 09 (Chín)** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là: **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 21/3/2023.

Tuyên : Giao bị cáo Lê Đức N về cho Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 (*hai*) lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đức N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- Phòng HS - NV CA TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Toà án ND quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký và đóng dấu

Phan Vĩnh Chuyển